TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân.

2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐST-HN ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Mai Thị H,** sinh năm: 1985,

Địa chỉ: Đ, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Nguyễn Thị H, ấp X, Đường C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

* *Bị đơn*: Anh **Bùi Huỳnh Văn Đức M,** sinh năm: 1985,

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh M vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M tự nguyện cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng sau đó từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình

không hòa hợp, thường hay cự cãi. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh M. Khi ly hôn, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Mai Thiên B, sinh ngày 09/12/2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Huỳnh Văn Đức M mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh M đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn thực hiện chưa đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào nội dung trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa chị H và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung giữa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H. Về hôn nhân, chị Mai Thị H được ly hôn với anh Bùi Huỳnh Văn Đức M. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh M có 01 con chung là Bùi Mai Thiên B, sinh ngày 09/12/2008, hiện tại cháu B đang sống cùng với mẹ, cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ do đó đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị H được tiếp tục nuôi con chung. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Mai Thị H và anh Bùi Huỳnh Văn Đức M là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh M hiện đang cư trú tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là

phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23/12/2007 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Chị H và anh M đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh M vắng mặt không tham gia hòa giải, điều đó cho thấy anh M không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua kết quả xác minh của Tòa án cho thấy chị H và anh M đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng hiện chị H và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M. Từ đó có cơ sở để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Chị H và anh M có 01 con chung là Bùi Mai Thiên B, sinh ngày 09/12/2008. Xét thấy chị H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B và cháu vẫn phát triển bình thường. Như vậy có căn cứ cho rằng việc Hội đồng xét xử giao cháu B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu B cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu B. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Chị H là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị H được ly hôn với anh Bùi Huỳnh Văn Đức M.

Ghi nhận việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Mai Thiên B, sinh ngày 09/12/2008. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh M lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị H có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh M.

Vì lợi ích của con chung, chị H, anh M hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010839 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị H đã nộp xong án phí.

Chị H, anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Quảng Phong, H.Quảng Xương, T.Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn